TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2023
Về việc tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu

Ông Phạm Phi Long

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thạch Rine - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc "tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Quốc Y sinh năm 1987. Địa chỉ: khóm B, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin mặt)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Châu Thanh T sinh năm 1980. Địa chỉ: khóm B, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 19-10-2022 ông Phạm Quốc Y trình bày:*

Về hôn nhân: Do quen biết với nhau nên ông và bà Nguyễn Châu Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 24-5-2018 tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Trà Vinh. Sau kết hôn ông và bà T sống bằng nghề lái xe, vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do ông và bà T thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm, không hợp tính tình với nhau. Ông và bà T ly thân từ năm 2019 đến nay, nhưng ông và bà T không có quan tâm nhau và không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông và bà T không còn tình cảm vợ chồng, nay ông yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Châu Thanh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Y khai ông và bà T không có và ông không yêu cầu giải quyết.

**Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho cho ông Phạm Quốc Y nhưng Ông Y không gởi bất cứ văn bản gì nộp cho Tòa án nên không có lời trình bày của Ông Y.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn ông Phạm Quốc Y khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Châu Thanh T. Xét đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, do bà T có nơi cư trú tại Khóm B, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải theo quy định tại Điều 35 và điểm a Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho Ông Y và bà T. Tuy nhiên, tại phiên tòa Ông Y vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, bà T vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông Y bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Y yêu cầu ly hôn bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy. Do quen biết với nhau nên Ông Y và bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết ngày 24-5-2018 tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Trà Vinh. Sau kết hôn vợ chồng sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do Ông Y và bà T thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm, không hợp tính tình với nhau. Ông Y và bà T ly thân từ năm 2019 đến nay, nhưng Ông Y và bà T không có quan tâm nhau, không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, đến nay Ông Y và bà T không đoàn tụ vợ chồng được. Từ phân tích trên cho thấy tình cảm vợ chồng Ông Y bà T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Ông Y là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét về con chung: Ông Y khai ông và bà T không có và ông không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông Y khai ông và bà T không có và ông không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông Y khai ông và bà T không có và ông không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Ông Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 264 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Quốc Y. Cho ông Phạm Quốc Y ly hôn bà Nguyễn Châu Thanh T.

2. Về con chung: Ông Phạm Quốc Y khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Phạm Quốc Y khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Phạm Quốc Y khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Buộc ông Phạm Quốc Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009879 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Ông Phạm Quốc Y đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND Phường 8;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Trưng